

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 4436/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết: Nâng cấp, hoàn thiện
hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị công nghệ thông tin của Ban Dân tộc

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 370/TTr-BDT ngày 12/8/2016 của Ban Dân tộc (kèm theo đề cương và dự toán chi tiết) và thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 4517/STC-QLNS.TTK ngày 25/10/2016, về việc Phê duyệt dự toán kinh phí nâng cấp, hoàn thiện mạng LAN và bổ sung thiết bị công nghệ thông tin cho Ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị công nghệ thông tin cho Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Cơ quan thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

2. Giải pháp kỹ thuật công nghệ và các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu:

a) Giải pháp kỹ thuật công nghệ: Theo thuyết minh của đề cương và dự toán chi tiết: "Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị công nghệ thông tin của Ban Dân tộc" kèm theo Tờ trình số 370/TTr-BDT ngày 12/8/2016 của Ban Dân tộc.

b) Nội dung ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu:

- Lắp đặt hệ thống mạng LAN tại trụ sở làm việc của Ban Dân tộc.

- Mua bổ sung một số thiết bị: Máy tính để bàn, hệ điều hành, lưu điện, máy in, máy chiếu, máy quét, chuyển mạch (Switch).

3. Kinh phí (làm tròn): 328.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu đồng).

Trong đó:

a) Chi phí xây lắp: 79.834.263 đồng;

b) Chi phí thiết bị: 235.210.000 đồng;

c) Chi phí quản lý: 4.907.502 đồng;

d) Chi phí tư vấn: 8.526.050 đồng;

(Dự toán chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này)

4. Nguồn vốn:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí xây lắp, chi phí thiết bị là 315.000.000 đồng, từ nguồn kinh phí ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước thuộc nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin năm 2017;

b) Chi phí quản lý, chi phí tư vấn đầu tư là 13.000.000 đồng: Thực hiện từ nguồn chi ứng dụng CNTT được giao trong dự toán hàng năm của Ban Dân tộc.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh năm 2017, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, bổ sung kinh phí cho Ban Dân tộc thực hiện.

Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn, giúp đỡ Ban Dân tộc trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Ban Dân tộc có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan.

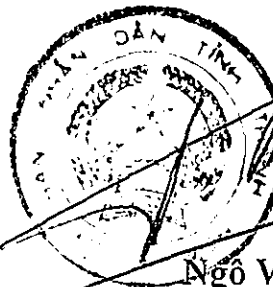
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- CT UBND tỉnh (Đề BC);
- PCT UBND tỉnh Ngô Văn Tuấn;
- Lưu: VT, CNTT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ lục
DỰ TOÁN CHI TIẾT
Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị
công nghệ thông tin của Ban Dân tộc
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 14/11/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

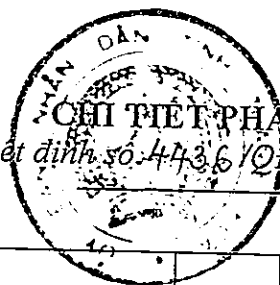
Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng mục	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí xây lắp mạng LAN	72.576.603	7.257.660	79.834.263	Phụ lục 1 và 2
II	Chi phí thiết bị (Gtb)	216.100.000	19.110.000	235.210.000	
1	Chi phí thiết bị phần cứng	216.100.000	19.110.000	235.210.000	Phụ lục 3
III	Chi phí quản lý	4.907.502		4.907.502	Định mức 993/QĐ-BTTTT
IV	Chi phí tư vấn đầu tư (Gtv)	7.750.955	574.122	8.526.050	
1	Lập đề cương và dự toán chi tiết	2.009.730	200.973	2.210.703	Định mức 993/QĐ-BTTTT
2	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu	1.000.000	100.000	1.100.000	Mức tối thiểu
3	Chi phí giám sát thi công	4.741.225	474.122	5.215.347	Định mức 993/QĐ-BTTTT
Tổng cộng:				328.477.815	
Tổng cộng làm tròn:				328.000.000	
<i>(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu đồng)</i>					

Phụ lục 1
TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÂN XÂY LẮP HỆ THỐNG MẠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chi phí	Công thức	giá trị	Ký hiệu
I	Chi phí trực tiếp	$T = VL + NC + M + TT$	57.142.542	T
1	Chi phí vật liệu	$VL = VL\ 1 + VL\ 2$	38.733.137	VL
2	Chi phí nhân công	$NC * 1,179$	17.424.541	NC
3	Chi phí máy xây dựng	$M * 1,0326$	140.392	M
4	Chi phí trực tiếp khác	$1.5\% * (VL + NC + M)$	844.471	TT
II	Chi phí chung	$C = NC * 65\%$	11.325.952	C
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$TL = (T + C) * 6\%$	4.108.110	TL
	<i>Giá trị xây lắp trước thuế</i>	$G = T + C + TL$	<i>72.576.603</i>	G
IV	Thuế giá trị gia tăng	$GTGT = G * 10\%$	<i>7.257.660</i>	VAT
	<i>Giá trị dự toán xây lắp sau thuế</i>	$GXL = G + GTGT$	<i>79.834.263</i>	GXL



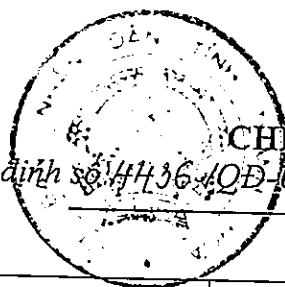
Phụ lục 2

HỘI TIẾT PHÀN XÂY LẬP HỆ THỐNG MẠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Mã CV	Nội dung công việc	Đơn vị	KL	Đơn giá				Thành tiền		
					Vật liệu chính	Vật liệu phụ	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
I	PHẦN XÂY LẬP MẠNG LAN								38.733.137	14.779.085	135.960
1	01.01.01.02.01.00	Lắp đặt SWITCH 24 cổng	Cái	3		9.839	224.145	7.340	29.517	672.435	22.020
2	01.02.01.01.04.00	Lắp đặt Ghen nổi trên tường (sino 60x22)	10 mét	20	440.000	52.080	57.119	1.086	9.841.600	1.142.380	21.720
3	01.02.01.01.03.00	Lắp đặt Ghen nổi trên tường (sino 39x18)	10 mét	40	180.000	50.873	49.168	1.086	9.234.920	1.966.720	43.440
4	01.02.03.01.01.02	Lắp đặt cáp mạng	10 mét	210	55.000	8.190	47.600	83	13.269.900	9.996.000	17.430
5	01.02.09.02.01.00	Đầu nối cáp vào đầu cắm (RJ45 hiệu AMP)	Cái	100	5.000	3.738	6.049	205	378.800	604.900	20.500
6	01.02.04.01.00.00	Lắp wallplate nổi đơn	Bộ	50	115.000	4.568	7.933	217	5.978.400	396.650	10.850
		Tổng cộng							38.733.137	14.779.085	135.960

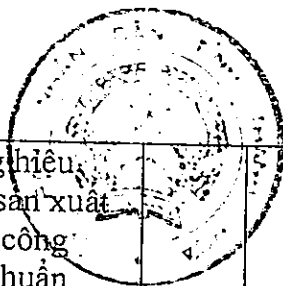


Phụ lục 3
CHI TIẾT THIẾT BỊ

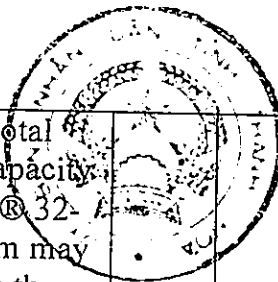
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: VNĐ

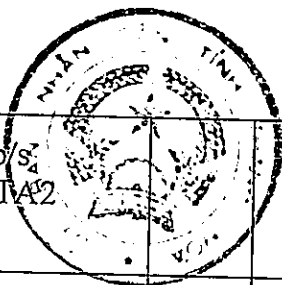
TT	Tên thiết bị và thông số kỹ thuật		ĐVT	SL	Đơn giá	Thuế VAT	Thành tiền		
							Chưa VAT	Thuế VAT	Bao gồm VAT
1	Bộ lưu điện UPS Santak TG 500 (500VA)		Thiết bị	10	1.100.000	10%	11.000.000	1.100.000	12.100.000
	Hãng sản xuất	Santak							
	Công nghệ	Offline							
	Công suất	500 VA/ 300 W							
	Thời gian lưu tối đa	100% tải khoảng lưu khoảng 6 phút.							
	Điện áp vào	165 ~ 265 VAC							
	Điện áp ra	220 ± 10% (Chế độ ắc qui)							
	Tần số nguồn vào	50 Hz (46 ~ 54 Hz)							
	Cổng giao tiếp	không có							
2	Máy tính để bàn		Bộ	10	10.000.000	10%	100.000.000	10.000.000	110.000.000



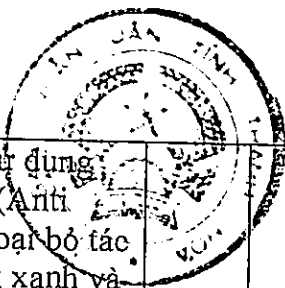
	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy tính thương hiệu Việt Nam được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp đạt tiêu chuẩn (ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; ISO 17025:2005; OHSAS 18001:2007)						
	Bộ vi xử lý	Intel® Pentium® Processor G3260 (3.30GHz, 2 Cores, 2 Threads)						
	Bộ nhớ đệm	3 MB L2 cache						
	Bộ nhớ ngoài (RAM)	DDR3 4 GB bus 1600						
	Ổ cứng	HDD 500GB 7200RPM SATA 3.5"						
	Mainboard (chipset)	Intel® H81 Express Chipset						
		- Support 2 x DIMM, DDR3 Un-Buffered Memory Dual Channel						
		- Supports 4th Generation Intel® Core™ processors						



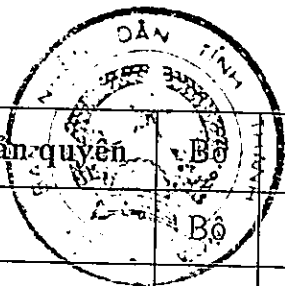
		- When installing total memory of 4GB capacity or more, Windows® 32-bit operation system may only recognize less than 3GB. Hence, a total installed memory of less than 3GB is recommended)						
		-Support for DDR3 1600/1333/1066 MHz memory modules, Support for non-ECC memory modules						
	Các thông số cơ bản, giao tiếp kết nối trong bảng mạch chủ (Mainboard)	01 x PS/2 keyboard port, 01 x PS/2 mouse port, 01 x D-Sub port, 02x USB 3.0 ports, 02x USB 2.0 ports, 01x Rj-45port, 03 x audio jacks (Line In, Line Out, Mic In).						
		01 x PCI Express x16 slot, running at x16 (PCIEX16)						
		02 x SATA 6Gb/s connectors (SATA3 0~SATA3 1)						



		02 x SATA 3Gb/s connectors (SATA2 2~SATA2 3)						
	CARD âm thanh	Integrated 7.1-channel audio CODEC						
	CARD màn hình	Integrated Intel® HD Graphics						
	Giao tiếp mạng	Integrated Realtek® GbE LAN chip (10/100/1000 Mbit)						
	Vỏ máy và nguồn	Tower case (with PSU 450W)						
	Màn hình	LED 19.5" Widescreen						
		- Kích thước 19.5 inch						
		- Độ phân giải: 1600 x 900						
		- Thời gian đáp ứng: 5ms						
		- Độ tương phản động(DCR) 120.000.000 : 1						
		- Số màu hiển thị: 16.7M						



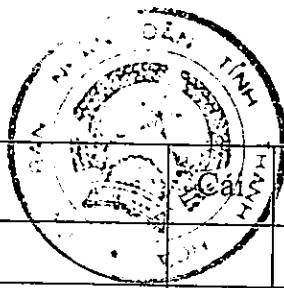
		- Sản phẩm có sử dụng công nghệ ABL(Anti Blue Light) để loại bỏ tác hại của ánh sáng xanh và giúp cho mắt người sử dụng được tốt hơn. - Sản phẩm được Bộ công thương cấp chứng nhận cho phép dán nhãn năng lượng							
	ổ Quang	DVD ROM 18x SATA							
	Bàn phím	Standard Keyboard							
	Chuột	Button Mouse Optical							
3	Máy in A4 hai mặt HP 402D		Cái	5	6.000.000	10%	30.000.000	3.000.000	33.000.000
	Loại máy in Laser mono đen trắng								
	Tốc độ in 12 trang/phút								
	Độ phân giải 2400 x 600dpi								
	Bộ nhớ 2MB								
	Khổ giấy A4								
	kết nối USB 2.0,Khay trước 150 tờ. Khay tay 1 tờ)								



4	Phần mềm hệ điều hành Windows bản quyền		Bộ	10	2.500.000		25.000.000		25.000.000
5	Máy chiếu		Bộ	1	23.700.000	10%	23.700.000	2.370.000	26.070.000
	Hãng sản xuất	Sony VPL-EX315							
	Độ sáng	3800 ANSI Lumens							
	Độ phân giải	XGA (1024 x 768 pixels)							
	Độ tương phản	3000:1							
	Công nghệ	LCD							
	Bóng đèn	225W							
	Tuổi thọ đèn	10000 giờ							
	Kết nối	Khả năng kết nối không dây với máy tính bảng và điện thoại thông minh qua Wireless; Tín hiệu vào : 1 x RGB ,1- LAN , 1- Wireless, 1 - USB Type A-B, 1 x Component, 1 HDMI, Stereo Jack, video.							



	Màn chiếu	Kích thước 96"x96" (2.44x2.44m) Chiều dài đường chéo màn hình: 136" Màn chiếu điều khiển từ xa . Công nghệ : Chạy bằng điện . Điều khiển từ xa (Nhận bằng tần sóng Radio) Màn chiếu sơn tĩnh điện màu trắng . Chất liệu: Mattwhite (sơn trắng,có đường viền đen). Độ bắt sáng gấp 2 lần chất liệu thông thường. Mặt sau màn được sơn đen, giảm mức độ ánh sáng đẳng sau màn						
6	Máy Scan HP 3000 S2	Cái	1	9.900.000	10%	9.900.000	990.000	10.890.000
	Loại máy quét: nạp giấy tự động (ADF 50 tờ) Tính năng : Scan 2 mặt tự động Tốc độ scan: 20 trang A4/phút Bộ nhớ chuẩn: 256 MB Độ phân giải: Up to 600 dpi Khay nạp bản gốc tự động 50tờ Cổng giao tiếp máy tính: USB2.0							



7	Switch tổng Cisco			1	11.500.000	10%	11.500.000	1.150.000	12.650.000
	Hãng sản xuất	Cisco							
	Model	WS-C2960+24TC-S							
	Tốc độ LAN	10/100Mbps							
	Cổng giao tiếp	Switch, 24 10/100 ports, 2 1000BASE-T or SFP uplinks, LAN Lite image							
8	Switch nhánh các tầng 24 cổng		Cái	2	2.500.000	10%	5.000.000	500.000	5.500.000
	Switch TP-LINK TL-SG1024D 24 port Gigabit								
	Tốc độ LAN	10/100Mbps							
	Cổng giao tiếp	24 Cổng							
	TỔNG CỘNG:						216.100.000	19.110.000	235.210.000